

Bản án số: 27/2020/HNGĐ-ST
Ngày 24-6-2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH BẢO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Duy Việt

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Tâm

Ông Nguyễn Văn Quyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Anh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 30/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 02 năm 2020, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị T; ĐKKHKT: Xóm 4, thôn AQ, xã CH, huyện VB, thành phố Hải Phòng; trú tại: Thôn TK, xã TL, huyện VB, thành phố Hải Phòng, vắng mặt tại phiên tòa (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Vũ Văn N; ĐKKHKT: Xóm 4, thôn AQ, xã CH, huyện VB, thành phố Hải Phòng; hiện đang cai nghiện tại Trường lao động xã hội Thanh Xuân, vắng mặt tại phiên tòa (có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, chị Lê Thị T trình bày:

1. Về quan hệ hôn nhân: chị T và anh Vũ Văn N kết hôn với nhau vào năm 2011, trên cơ sở được tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CH, huyện VB, thành phố Hải Phòng ngày 01 tháng 8 năm 2011. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống ở nhà bố mẹ đẻ anh Vũ Văn N, tại Xóm 4, thôn AQ, xã CH, huyện VB, thành phố Hải Phòng đến đầu năm 2015 thì chị T, anh N chuyển về thôn TK, xã TL, huyện VB, thành phố Hải Phòng sinh sống. Quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng, thông cảm với nhau, anh Vũ Văn N ham chơi không quan tâm đến gia đình vợ con, mâu thuẫn đã được gia đình hòa giải, khuyên nhủ, nhưng không có kết quả, từ tháng 01 năm 2018 vợ chồng sống ly thân nhau không ai quan tâm đến ai. Nay chị T thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không có khả năng hàn gắn, đoàn tụ, nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo giải quyết cho chị T được ly hôn anh Vũ Văn N.

2. Về con chung: Chị Lê Thị T và anh Vũ Văn N có 02 con chung là Vũ Sinh H, sinh ngày 21 tháng 4 năm 2010; Vũ Ngọc H1, sinh ngày 05 tháng 7 năm 2017. Trường hợp ly hôn chị T đề nghị được nuôi cả hai con Vũ Ngọc H1, Vũ Sinh H, không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, công nợ và các vấn đề khác: chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lời khai anh Vũ Văn N: Thống nhất với chị Lê Thị T về thời gian và điều kiện kết hôn, xác định vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng nhau, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Nay chị T có đơn xin ly hôn, anh N không đồng ý vì anh muốn đoàn tụ để hai con nhỏ có cuộc sống hạnh phúc. Về con chung, anh N thống nhất với chị T là vợ chồng có 02 con chung về họ tên tuổi. Trường hợp ly hôn anh N đề nghị được nuôi cả hai con, về cấp dưỡng nuôi con do anh chị tự thỏa thuận. Về tài sản chung, anh N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Bảo phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn là chị Lê Thị T có đơn khởi kiện về việc ly hôn và tranh chấp nuôi con, anh Vũ Văn N là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các đương sự đã cơ bản thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đề nghị giải quyết chị Lê Thị T được ly hôn anh Vũ Văn N; về

con chung: Giao cho chị Lê Thị T được nuôi dưỡng cả hai con chung Vũ Sinh H và Vũ Ngọc H1; về cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung: Do chị T, anh N xin tự giải quyết nên không đặt ra để xem xét giải quyết; chị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án về việc ly hôn và tranh chấp nuôi con, theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì thẩm quyền giải quyết tranh chấp thuộc Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt của nguyên đơn chị Lê Thị T, bị đơn anh Vũ Văn N: chị T, anh N vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 01, có đơn xin xét xử vắng mặt, nên căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T, anh N.

- Về yêu cầu của nguyên đơn chị Lê Thị T:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T kết hôn với anh Vũ Văn N trên cơ sở được tìm hiểu tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 01 tháng 8 năm 2011, tại Ủy ban nhân dân xã CH, huyện VB, thành phố Hải Phòng căn cứ vào khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình, xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống trên cơ sở lời khai đương sự, biên bản xác minh của Tòa án thấy: Trong thời gian chung sống chị T và anh N đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không thông cảm, tin tưởng nhau, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, gây ảnh hưởng đến sức khỏe, tinh thần của chị T. chị T, anh N đã ly thân nhau, không ai quan tâm đến ai từ tháng 01 năm 2018. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình khuyên bảo, hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình, xác định mâu thuẫn của chị T, anh N đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị T xin ly hôn anh N là có căn cứ, phù hợp Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của chị T được ly hôn anh N.

[4] Về con chung: Chị Lê Thị T và anh Vũ Văn N có 02 con chung là Vũ Sinh H, sinh ngày 21 tháng 4 năm 2010; Vũ Ngọc H1, sinh ngày 05 tháng 7 năm 2017. chị T, anh N đều nghị được nuôi cả hai con. Xét cháu Hùng đã trên 07 (bảy) tuổi, cháu H1 chưa đủ 07 (bảy) tuổi, cháu H có đề nghị được ở với chị T; bản thân

chị T có điều kiện nuôi con và đang nuôi dạy con tốt, anh N hiện đang đi cai nghiện tại Trường Lao động xã hội Thanh Xuân, không có điều kiện nuôi con. Nên căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận giao cho chị T nuôi cả hai con chung Vũ Sinh H và Vũ Ngọc H1.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Lê Thị T tự thỏa thuận với anh Vũ Văn N, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xét.

[6] Về tài sản chung, công nợ và các vấn đề khác: Các đương sự không yêu cầu, Hội đồng xét xử không xét.

[7] Về án phí: Chị Lê Thị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 266, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào quy định tại các điều 19, 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào quy định tại Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1- Chị Lê Thị T được ly hôn anh Vũ Văn N;

2- Về con chung: Giao cho chị Lê Thị T được nuôi 02 con chung Vũ Sinh H, sinh ngày 21 tháng 4 năm 2010; Vũ Ngọc H1, sinh ngày 05 tháng 7 năm 2017, đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chung do chị T, anh N tự thỏa thuận giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3- Về án phí: Chị Lê Thị T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0008031 ngày 03 tháng 02 năm 2020, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Bảo, chị T đã nộp đủ án phí.

4- Về quyền kháng cáo bản án:

Chị Lê Thị T, anh Vũ Văn N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hải Phòng;
- VKS ND huyện Vĩnh Bảo;
- Chi cục Thi hành án huyện Vĩnh Bảo;
- UBND xã CH;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Duy Việt